TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28-5-2020
V/v tranh chấp HNGĐ xin ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Phương

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tâm Nhân là thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2020, về: "Tranh chấp hôn nhân- gia đình, xin ly hôn và nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Nh, sinh năm 1990.

Cư trú tổ 8, ấp S, xã B, huyện S, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Trường G, sinh năm 1985.

Cư trú ấp H, xã L, huyện T, tỉnh An Giang.

Chị Nh có mặt, anh G vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn (bút lục số 10) và bản tự khai (bút lục số 16) thì chị Phạm Thị Nh trình bày:

- Chị với anh G thành vợ chồng vào năm 2010, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 67, ngày 25-4-2011 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện T cấp.

- Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, sống không hạnh phúc và ly thân từ năm 2014 đến nay.

- Con chung có 01 đứa tên Nguyễn Phạm Diễm M, sinh ngày 17-5-2013 đang sống với chị.

- Tài sản; nợ phải thu và phải trả: Không có.

Yêu cầu:

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh G.

- Về con chung: Được tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh G cấp dưỡng.

- Về tài sản; nợ phải thu và phải trả: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai (bút lục số 15) thì anh Nguyễn Trường G trình bày:

- Anh với chị Nh thành vợ chồng vào năm 2010, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 67, ngày 25-4-2011 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện T cấp, sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, thường xuyện cự cãi, sống không hạnh phúc và ly thân từ năm 2014 đến nay.

- Con chung có 01 đứa tên Nguyễn Phạm Diễm M, sinh ngày 17-5-2013, sống với chị Nh từ khi ly thân đến nay.

- Tài sản; nợ phải thu và phải trả: Không có.

Yêu cầu:

- Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Đồng ý cho chị Nh được tiếp tục nuôi con theo luật định, anh không phải cấp dưỡng. Anh và bên nội được quyền đưa con về nội chơi mà không bị ngăn cản của bên vợ và ông, bà ngoại, con sống không hạnh phúc hay bị ngược đãi thì xin lại quyền nuôi con.

- Về tài sản; nợ phải thu và phải trả: Không có, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về hình thức, thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Nh và anh G có đơn yêu cầu vắng mặt về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vì vậy đã lập các biên bản không tiến hành được phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (Bút lục các số 12 và 13).

[1.2] Anh G có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt (bút lục số 13), vì vậy HĐXX căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hôn nhân giữa chị Nh với anh G có đăng ký kết hôn vào năm 2011 (bút lục số 05), đây là hôn nhân hợp pháp được luật pháp bảo vệ và giải quyết khi có mâu thuẫn xảy ra.

- Về nguyên nhân ly thân: chị Nh cho rằng do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, sống không hạnh phúc và ly thân từ năm 2014 đến nay. Anh G cho rằng do tính tình không phù hợp, thường xuyên cự cãi, sống không hạnh phúc và ly thân từ năm 2014 đến nay. HĐXX xét thấy thời gian chung sống ngắn (năm 2010 đến năm 2014), thời gian ly thân dài hơn (năm 2014 đến nay), trong suốt thời gian ly thân 06 năm đôi bên không hàn gắn, hơn nữa hiện nay cả hai đều đồng ý ly hôn, điều đó cho thấy hạnh phúc thật sự không còn, nếu hòa giải được thì đã ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn. Nay chị Nh xin ly hôn là hoàn toàn có cơ sở và được sự đồng ý của anh G, vì vậy chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nh theo khoản 1 điều 51 và khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân- gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Nh và anh G thống nhất khai nhận có con chung tên Nguyễn Phạm Diễm M, sinh ngày 17-5-2013, sống với chị Nh từ khi ly thân đến nay. Anh G đồng ý cho chị Nh được tiếp tục nuôi. Yêu cầu cho anh G và bên nội được quyền đưa con về nội chơi mà không bị ngăn cản của bên vợ và ông, bà ngoại, con sống không hạnh phúc hay bị ngược đãi thì xin lại quyền nuôi con. HĐXX xét thấy anh G đồng ý cho chị Nh được tiếp tục nuôi con là phù hợp tại khoản 2, điều 81 Luật hôn nhân - gia đình, đó là nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Theo bản tự khai (bút lục số 14) thì cháu M có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ, vì vậy chị Nh được tiếp tục nuôi cháu M. Việc chị Nh nuôi dưỡng cháu M trong thời gian cháu chưa thành niên là không cố định, nếu chị Nh không đảm bảo những điều kiện mà pháp luật quy định thì phía anh G có quyền xin thay đổi việc nuôi con nếu có đầy đủ căn cứ. Đồng thời theo khoản 3, điều 82 Luật hôn nhân – gia đình quy định: "Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở".

[2.3] Về quan hệ tài sản; nợ phải thu: Anh, chị thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết (bút lục các số 15 và 16), vì vậy HĐXX không xem xét.

[2.4] Về nợ phải trả: anh, chị thống nhất khai không có (bút lục các số 15 và 16), vì vậy HĐXX ghi nhận, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[2.5] Về án phí DSST: Chị Nh phải chịu án phí về việc xin ly hôn theo quy đinh tại khoản 4, điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5, điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1, điều 51; khoản 1 điều 56; khoản 2, điều 81; các khoản 1, 3 điều 82 và điều 83 Luật hôn nhân – gia đình;

- Khoản 4, điều 147; Khoản 1, điều 228; các điều 271; 273; 278 và khoản 1, điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điểm a, khoản 5, điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

- Chị Phạm Thị Nh được ly hôn với anh Nguyễn Trường G.

Giấy chứng nhận kết hôn số 67, ngày 25-4-2011 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện T không còn giá trị pháp lý.

- Chị Phạm Thị Nh được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đứa con tên Nguyễn Phạm Diễm M, sinh ngày 17-5-2013. Không ai được quyền ngăn cản mà phải tạo điều kiện thuận lợi khi anh G đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Công nhận sự tự nguyện của chị Nh không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con. Việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên không cố định.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nh phải chịu án phí về việc xin ly hôn là 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0006426 ngày 30-01-2020 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Chị Nh không phải nộp tiếp.

Chị Nh có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng anh G có quyền kháng cáo thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Ủy ban nhân dân xã L;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Dũng